

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Khi bị kích thích, động vật có hệ thần kinh lưới phản ứng

- A. toàn thân, tiêu tốn nhiều năng lượng.
- B. định khu, tiêu tốn nhiều năng lượng.
- C. toàn thân, không tiêu tốn năng lượng.
- D. định khu, không tiêu tốn năng lượng.

Câu 2. Đơn vị cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh là

- A. neuron.
- B. synapse.
- C. myelin.
- D. Ranvier.

Câu 3. Diện tiếp xúc giữa tế bào thần kinh với tế bào khác được gọi là

- A. neuron.
- B. synapse.
- C. myelin.
- D. Ranvier.

Câu 4. Khi bị kích thích, điện thế nghỉ biến thành điện thế hoạt động gồm 3 giai đoạn theo thứ tự là

- A. Mất phân cực → Đảo cực → Tái phân cực.
- B. Đảo cực → Tái phân cực → Mất phân cực.
- C. Mất phân cực → Tái phân cực → Đảo cực.
- D. Đảo cực → Mất phân cực → Tái phân cực.

Câu 5. Quá trình cảm nhận ánh sáng có thể tóm tắt theo sơ đồ nào sau đây?

- A. Mắt → Dây thần kinh thị giác → Vùng thị giác trên vỏ não.
- B. Dây thần kinh thị giác → Vùng thị giác trên vỏ não → Mắt.
- C. Vùng thị giác trên vỏ não → Mắt → Dây thần kinh thị giác.
- D. Mắt → Vùng thị giác trên vỏ não → Dây thần kinh thị giác.

Câu 6. Đặc điểm **không** đúng của hệ thần kinh dạng chuỗi hạch là

- A. số lượng tế bào thần kinh tăng so với thần kinh dạng lưới.
- B. khả năng phối hợp giữa các tế bào thần kinh tăng lên.
- C. phản ứng cục bộ, ít tiêu tốn năng lượng so với thần kinh dạng lưới.
- D. phản ứng toàn thân, tiêu tốn nhiều năng lượng so với thần kinh dạng lưới.

Câu 7. Khi nói về tổ chức thần kinh ở các nhóm động vật, phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Các loài thân lỗ, bọt biển chưa có tổ chức thần kinh.
- B. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch gặp ở ngành Giun dẹp, Giun tròn và Chân khớp.
- C. Các loài thuộc lớp Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú có hệ thần kinh dạng ống.
- D. Các loài thuộc ngành Ruột khoang có hệ thần kinh dạng lưới hoặc dạng chuỗi hạch.

Câu 8. Cho các thành phần cấu trúc của synapse hoá học như sau:

- (1) Chùy synapse. (2) Khe synapse. (3) Màng trước synapse. (4) Màng sau synapse.

Qua trình truyền tin qua synapse diễn ra theo trật tự là

- A. 1 → 2 → 3 → 4.
- B. 1 → 3 → 2 → 4.
- C. 1 → 4 → 3 → 2.
- D. 1 → 3 → 4 → 2.

Câu 9. Điểm khác biệt của sự lan truyền xung thần kinh trên sợi thần kinh có bao myelin so với sợi thần kinh không có bao myelin là

- A. tốc độ lan truyền chậm và tốn ít năng lượng.
- B. tốc độ lan truyền chậm và tốn nhiều năng lượng.
- C. tốc độ lan truyền nhanh và tốn ít năng lượng.
- D. tốc độ lan truyền nhanh và tốn nhiều năng lượng.

Câu 10. Khi nói về thụ thể cảm giác, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Thụ thể cảm giác là các neuron hoặc tế bào biểu mô chuyên hoá.
- B. Một số thụ thể cảm giác tập trung với các loại tế bào khác tạo nên cơ quan cảm giác.
- C. Thụ thể cảm giác bao gồm: thụ thể cơ học, thụ thể hoá học, thụ thể đau, thụ thể nhiệt, thụ thể điện từ.
- D. Ở động vật, các cơ quan như mắt, tai, mũi, lưỡi là các thụ thể cảm giác.

Câu 11. Tập tính ở động vật được có thể được chia thành

- A. tập tính bẩm sinh, tập tính hỗn hợp.

- B.** tập tính học được, tập tính hỗn hợp.
C. tập tính tự nhiên, tập tính nhân tạo và tập tính hỗn hợp.
D. tập tính bẩm sinh, tập tính học được và tập tính hỗn hợp.
- Câu 12.** Tập tính nào sau đây có vai trò quan trọng hàng đầu với sự sinh tồn của động vật?
A. Tập tính di cư. **B.** Tập tính xã hội.
C. Tập tính kiếm ăn. **D.** Tập tính bảo vệ lãnh thổ.
- Câu 13.** Tập tính nào sau đây phản ánh mối quan hệ cùng loài mang tính tổ chức cao?
A. Tập tính xã hội. **B.** Tập tính sinh sản.
C. Tập tính di cư. **D.** Tập tính bảo vệ lãnh thổ.
- Câu 14.** Khi nói về các hình thức học tập ở động vật. Hình thức học tập nào sau đây là đơn giản nhất?
A. In vết. **B.** Quen nhờn. **C.** Học liên kết. **D.** Học xã hội.
- Câu 15.** Hình thức học tập nào sau đây là động vật học bằng cách quan sát và bắt chước hành vi của động vật khác?
A. In vết. **B.** Quen nhờn. **C.** Học liên kết. **D.** Học xã hội.
- Câu 16.** Cơ sở giải thích tại sao học tập có thể đưa đến hình thành tập tính mới và khi cần thiết có thể thay đổi tập tính đáp ứng với những thay đổi của môi trường sống?
A. Sự hình thành mối liên hệ thần kinh mới giữa các neuron.
B. Sự hình thành gene mới.
C. Do tiết ra nhiều hormone mới.
D. Do có sự phối hợp giữa các cá thể trong loài.
- Câu 17.** Khi nói về tập tính ở động vật. Theo lí thuyết, tập tính nào sau đây không phản ánh mối quan hệ cùng loài?
A. Tập tính sinh sản. **B.** Tập tính bảo vệ lãnh thổ.
C. Tập tính kiếm ăn. **D.** Tập tính di cư.
- Câu 18.** Động vật sống trên cạn khi di cư định hướng nhờ
A. vị trí mặt trời, trăng, sao, địa hình.
B. từ trường trái đất.
C. thành phần hóa học của nước.
D. hướng dòng nước chảy.
- Câu 19.** Chim bồ câu khi di cư định hướng nhờ
A. vị trí mặt trời, trăng, sao, địa hình.
B. từ trường trái đất.
C. thành phần hóa học của nước.
D. hướng dòng nước chảy.
- Câu 20.** Ở động vật có hệ thần kinh. Tùy theo sự tiến hóa của tổ chức thần kinh có các dạng sau:
I. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch; II. Hệ thần kinh dạng ống; III. Hệ thần kinh dạng lưới.
Hướng tiến hóa của hệ thần kinh từ thấp đến cao là
A. III $\rightarrow$ I $\rightarrow$ II. **B.** II $\rightarrow$ I $\rightarrow$ III. **C.** III $\rightarrow$ II $\rightarrow$ I. **D.** I $\rightarrow$ II $\rightarrow$ III.
- Câu 21.** Sinh trưởng ở sinh vật là
A. quá trình tăng kích thước và tuổi của cơ thể.
B. quá trình tăng kích thước và khối lượng cơ thể.
C. quá trình tăng khối lượng và tuổi của cơ thể.
D. Quá trình tăng thể tích và khối lượng của cơ thể.
- Câu 22.** Vòng đời của sinh vật là
A. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành, sinh sản tạo cá thể mới, già đi rồi chết.
B. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành.
C. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, lớn lên, phát triển thành cơ thể trưởng thành, sinh sản tạo cá thể mới.
D. khoảng thời gian tính từ khi cơ thể được sinh ra, sinh trưởng và phát triển thành cơ thể trưởng thành.
- Câu 23.** Khi nói về tuổi thọ của sinh vật, phát biểu nào sau đây đúng?
A. Thời gian sinh trưởng của sinh vật. **B.** Thời gian sinh con của sinh vật.

- C. Thời gian tuổi già của sinh vật. D. Thời gian sống của một sinh vật.
- Câu 24.** Tuổi thọ của một loài sinh vật là
 A. thời gian sống của các cá thể trong loài.
 B. thời gian sống thực tế của các cá thể trong loài.
 C. thời gian sống trung bình của các cá thể trong loài.
 D. thời gian sống trung bình của các cá thể trong môi trường.
- Câu 25.** Tuổi thọ của các loài sinh vật khác nhau thì do yếu tố nào quy định?
 A. Lối sống. B. Thức ăn. C. Môi trường sống. D. Kiểu gene.
- Câu 26.** Loại mô phân sinh nào sau đây không có ở cây một lá mầm?
 A. Mô phân sinh bên. B. Mô phân sinh đỉnh cây.
 C. Mô phân sinh lóng. D. Mô phân sinh đỉnh rễ.
- Câu 27.** Khi nói về sinh trưởng thứ cấp, phát biểu nào sau đây là đúng?
 A. Sinh trưởng thứ cấp là sự gia tăng về chiều dài của cơ thể thực vật.
 B. Sinh trưởng thứ cấp là do hoạt động của mô phân sinh bên.
 C. Sinh trưởng thứ cấp có ở tất cả các loài thực vật.
 D. Sinh trưởng thứ cấp chỉ có ở thực vật một lá mầm.
- Câu 28.** Ở cây hai lá mầm, tính từ ngọn đến rễ là các loại mô phân sinh theo thứ tự là:
 A. Mô phân sinh đỉnh ngọn → Mô phân sinh bên → Mô phân sinh đỉnh rễ.
 B. Mô phân sinh đỉnh ngọn → Mô phân sinh đỉnh rễ → Mô phân sinh bên.
 C. Mô phân sinh đỉnh rễ → Mô phân sinh bên → Mô phân sinh bên.
 D. Mô phân sinh bên → Mô phân sinh đỉnh ngọn → Mô phân sinh đỉnh rễ.
- Câu 29.** Ở cây hai lá mầm, thân và rễ dài ra là nhờ hoạt động của
 A. mô phân sinh cành. B. mô phân sinh bên.
 C. mô phân sinh lóng. D. mô phân sinh đỉnh.
- Câu 30.** Các hormone kích thích sinh trưởng bao gồm
 A. auxin, gibberellin, cytokinin. B. auxin, abscisic acid, cytokinin.
 C. auxin, ethylene, abscisic acid. D. auxin, gibberellin, ethylene.
- Câu 31.** Loại mô phân sinh không có ở cây lúa là
 A. mô phân sinh đỉnh rễ. B. mô phân sinh lóng.
 C. mô phân sinh bên. D. mô phân sinh đỉnh thân.
- Câu 32.** Trong kỹ thuật nhân giống *in vitro*, loại mô nào thường được sử dụng làm vật liệu nuôi cấy tạo cây hoàn chỉnh, giúp nhân nhanh các giống cây trồng trong thời gian ngắn?
 A. Mô phân sinh bên. B. Mô phân sinh lóng.
 C. Mô phân sinh đỉnh rễ. D. Mô phân sinh đỉnh.
- Câu 33.** Loại auxin phổ biến nhất ở thực vật là
 A. NAA. B. 2,4 - C. D. IAA.
 E. IBA
- Câu 34.** Chất nào sau đây không phải là chất kích thích sinh trưởng?
 A. GA. B. Kinetin. C. IAA. D. AAB
- Câu 35.** Hormone được ứng dụng để kích thích ra rễ của cành giâm, cành chiết trong nhân giống vô tính là
 A. gibberellin. B. auxin. C. cytokinin. D. kinetin.
- Câu 36.** Loài nào sau đây sinh trưởng và phát triển không qua biến thái?
 A.Ếch đồng. B. Cào cào. C. Gà. D. Bướm.
- Câu 37.** Loài nào sau đây sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn?
 A.Ếch đồng. B. Cào cào. C. Tôm. D. Rắn.
- Câu 38.** Loài nào sau đây sinh trưởng và phát triển qua biến thái không hoàn toàn?
 A.Ếch đồng. B. Cào cào. C. Cá. D. Bướm.
- Câu 39.** Hormone làm cơ thể bé gái thay đổi mạnh về thể chất và sinh lý ở thời kì dậy thì là
 A. testosterone. B. thyroxine. C. estrogen. D. GH.
- Câu 40.** Theo một số nghiên cứu của Việt Nam và thế giới. Độ tuổi trung bình bắt đầu dậy thì ở nữ là
 A. 10 tuổi. B. 11 tuổi. C. 12 tuổi. D. 13 tuổi.

Câu 41. Theo một số nghiên cứu của Việt Nam và thế giới. Độ tuổi trung bình bắt đầu dậy thì ở nam là

- A.** 11 tuổi. **B.** 12 tuổi. **C.** 13 tuổi. **D.** 14 tuổi.

Câu 42. Trong quá trình phát triển ở động vật, trong giai đoạn phát triển phôi có các giai đoạn kế tiếp nhau là

- A.** phân cắt trứng → phôi vị → phôi nang → tạo cơ quan.
B. phân cắt trứng → phôi nang → phôi vị → tạo cơ quan.
C. phân cắt trứng → tạo cơ quan → phôi vị → phôi nang.
D. phân cắt trứng → tạo cơ quan → phôi nang → phôi vị.

Câu 43. Những loài nào sau đây sinh trưởng và phát triển không qua biến thái?

- A.** Châu chấu, ếch đồng, cá rô.
B. Bướm, mèo, cá rô.
C. Bò câu, rắn, mèo.
D. Rắn, ruồi giấm, gà.

Câu 44. Những loài nào sau đây sinh trưởng và phát triển qua biến thái hoàn toàn?

- A.** Cào cào, bướm, rắn mối.
B. Ruồi, ếch đồng, bướm.
C. Bướm, châu chấu, cá heo.
D. Thằn lằn, tôm, cua.

Câu 45. Chu kì biến thái ở bướm gồm các giai đoạn theo trình tự nào sau đây?

- A.** Sâu $\rightarrow$ bướm $\rightarrow$ nhộng $\rightarrow$ trứng.
B. Bướm $\rightarrow$ trứng $\rightarrow$ sâu $\rightarrow$ nhộng.
C. Trứng $\rightarrow$ sâu $\rightarrow$ nhộng $\rightarrow$ bướm.
D. Trứng $\rightarrow$ nhộng $\rightarrow$ sâu $\rightarrow$ bướm.

Câu 46. Sinh sản là quá trình

- A.** tạo ra cơ thể mới, đảm bảo sự phát triển liên tục của loài.
B. tạo ra những cá thể mới cần thiết qua nhiều thế hệ.
C. tạo ra những cá thể mới bảo đảm sự phát triển không liên tục của loài.
D. tạo ra những cá thể mới sống sót qua nhiều thế hệ.

Câu 47. Sinh vật có 2 kiểu sinh sản

- A.** sinh sản sinh dưỡng và sinh sản bào tử.
B. sinh sản phân đôi và nảy chồi.
C. sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.
D. sinh sản bằng thân củ và thân rễ.

Câu 48. Sinh sản vô tính ở động vật **không** có trường hợp nào sau đây?

- A. Trinh sinh.** **B. Đẻ con.** **C. Phân mảnh.** **D. Nảy chồi.**

Câu 49. Bản chất của sự thu tinh là

- A.** sự kết hợp của giao tử đực và giao tử cái hình thành hợp tử.
B. sự kết hợp giữa con đực và con cái hình thành con non.
C. sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng hình thành con non.
D. sự tổ hợp vật chất di truyền của giao tử đực và giao tử cái trong hợp tử.

Câu 50. Sinh sản hữu tính ưu việt hơn sinh sản vô tính do

- A.** vật chất di truyền được truyền đạt từ thế hệ mẹ sang thế hệ con thông qua cơ chế nguyên phân.
B. vật chất di truyền được truyền đạt từ thế hệ mẹ sang thế hệ con thông qua giảm phân, thụ tinh và nguyên phân.

C. sinh sản hữu tính được điều hòa chủ yếu bởi hệ thống kiểm soát chu kì tế bào.

- D. vật chất di truyền của các cơ thể con giống nhau và giống với cơ thể mẹ thông qua thụ tinh.**

Câu 51. Sinh sản vô tính ở thực vật là hình thức sinh sản có đặc điểm

- A.** Cây con sinh ra có đặc điểm khác cây mẹ.
B. Cây con sinh ra có đặc điểm khác cây bố, mẹ.
C. Cây con sinh ra mang đặc điểm chung của cây bố, mẹ.
D. Cây con được tạo ra từ một bộ phận của cây mẹ.

Câu 52. Sinh sản vô tính ở thực vật là hình thức sinh sản

- A. tao ra các cá thể con từ cá thể bố và mẹ.

- B. giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.
- C. giống bố và mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.
- D. giống hoặc khác cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.

Câu 54. Khoai tây sinh sản bằng

- A. rễ củ.
- B. thân củ.
- C. thân rễ.
- D. lá.

Câu 55. Hình thức sinh sản của cây rêu là sinh sản

- A. bào tử.
- B. phân đôi.
- C. sinh dưỡng.
- D. hữu tính.

Câu 56. Trong sinh sản sinh dưỡng ở thực vật, cây mới được tạo ra

- A. từ một bộ phận sinh dưỡng của cây mẹ.
- B. từ một bộ phận rễ của cây mẹ.
- C. từ một bộ phận thân của cây mẹ.
- D. từ một bộ phận lá của cây mẹ.

Câu 57. Đặc điểm nào **không** phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật là

- A. Có khả năng thích nghi với điều kiện môi trường biến đổi.
- B. Tạo ra nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho chọn giống và tiến hoá.
- C. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.
- D. Là hình thức sinh sản phổ biến.

Câu 58. Đặc điểm nào là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật?

- A. Có khả năng thích nghi với điều kiện môi trường biến đổi.
- B. Tạo ra nhiều cá thể giống nhau làm nguyên liệu cho chọn giống và tiến hoá.
- C. Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.
- D. Là hình thức sinh sản không phổ biến.

Câu 59. Thụ phấn là quá trình

- A. hạt phấn phát tán và rơi trên núm nhụy.
- B. hợp nhất nhân giao tử đực và nhân tế bào trứng.
- C. hạt phấn phát tán và rơi từ nhụy đến núm nhị.
- D. hợp nhất hai nhân tinh trùng với một tế bào trứng.

Câu 60. Hình thức thụ tinh kép xảy ra ở

- A. cây rêu.
- B. cây hạt trần.
- C. cây dương xỉ.
- D. cây hạt kín.

Câu 61. Trong sinh sản vô tính các cá thể mới sinh ra

- A. giống nhau và giống cá thể gốc.
- B. khác nhau và giống cá thể gốc.
- C. giống nhau và khác cá thể gốc.
- D. khác nhau và khác cá thể gốc.

Câu 62. Sinh sản vô tính ở động vật chủ yếu dựa trên các hình thức phân bào nào?

- A. Trục phân và nguyên phân.
- B. Trục phân và giảm phân.
- C. Giảm phân và nguyên phân.
- D. Trục phân, giảm phân và nguyên phân.

Câu 63. Đặc điểm nào sau đây không đúng với sinh sản vô tính ở động vật?

- A. Tạo ra số lượng lớn con cháu trong thời gian ngắn.
- B. Đảm bảo sự ổn định về mặt di truyền qua các thế hệ cơ thể.
- C. Cá thể có thể sống độc lập, đơn lẻ vẫn sinh sản bình thường.
- D. Có khả năng thích nghi cao với sự thay đổi của điều kiện môi trường

Câu 64. Sinh sản hữu tính ở động vật là sự kết hợp

- A. của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- B. ngẫu nhiên của giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.
- C. có chọn lọc của hai giao tử đực và một giao tử cái tạo nên hợp tác phát triển thành cơ thể mới.
- D. có chọn lọc của giao tử một cái với nhiều giao tử đực và tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

Câu 65. Quá trình sinh sản hữu tính ở người gồm các giai đoạn?

- A. Hình thành giao tử, thụ tinh và đẻ con.
- B. Thụ tinh, phát triển phôi thai và đẻ con.
- C. Hình thành giao tử, thụ tinh, tạo thành hợp tử.
- D. Hình thành giao tử, thụ tinh, phát triển phôi thai và đẻ con.

Câu 66. Testosteron kích thích

- A. Tuyến yên sản sinh LH.
- B. Tế bào kẽ sản sinh ra FSH.
- C. Tế bào kẽ và sản sinh ra tinh trùng.
- D. Ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

Câu 67. Trong cơ chế điều hòa sinh tinh, FSH kích thích

- A. Ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.
- B. Tế bào kẽ sản sinh ra testosteron.
- C. Phát triển ống sinh tinh và sản sinh ra tinh trùng
- D. Tuyến yên sản sinh LH.

Câu 68. Cho những biện pháp sau đây:

- I. Nuôi cấy phôi II. Thụ tinh nhân tạo III. Sử dụng hormone
- IV. Thay đổi yếu tố môi trường V. Sử dụng chất kích thích tổng hợp

Những biện pháp thúc đẩy trứng chín nhanh và rụng hàng loạt là

- A. II, IV. B. I, IV. C. II, III. D. III, V.

Câu 69. Biện pháp nào sau đây **không** đúng với sinh đẻ có kế hoạch?

- A. Điều chỉnh khoảng cách sinh con.
- B. Điều chỉnh sinh con trai hay con gái.
- C. Điều chỉnh thời điểm sinh con.
- D. Điều chỉnh về số con.

Câu 70. Nồng độ Testosteron cao sẽ

- A. ức chế tuyến yên và vùng dưới đồi tiết GnRH, FSH và LH.
- B. ức chế tuyến yên tiết GnRH, FSH và LH.
- C. kích thích tuyến yên và vùng dưới đồi tăng tiết GnRH, FSH và LH.
- D. ức chế vùng dưới đồi tiết GnRH, FSH và LH.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Trên một cây bạch đàn non cao 5m, một người đóng hai đỉnh dài theo chiều nằm ngang và đối diện nhau vào thân cây, ở độ cao 1,0m. Ngày nay cây đã cao tới 10m. Chiều cao nơi đóng đỉnh so với mặt đất và khoảng cách của hai đỉnh có thay đổi như thế nào? Giải thích.

Câu 2. Cây thanh long ở miền Nam nước ta thường ra hoa, kết quả từ cuối tháng 3 đến tháng 9 dương lịch. Vào khoảng đầu tháng 10 đến cuối tháng 1 năm sau, nông dân ở một số địa phương miền Nam áp dụng biện pháp kỹ thuật “thắp đèn” ban đêm nhằm kích thích cây ra hoa để thu quả trái vụ. Hãy giải thích cơ sở khoa học của việc áp dụng biện pháp trên.

Câu 3. Ở trẻ em, nhiều trường hợp cơ thể có sự thay đổi thành người trưởng thành sớm hơn bình thường (trước 9 tuổi ở nam và trước 8 tuổi ở nữ).

a. Hiện tượng này được gọi là gì?

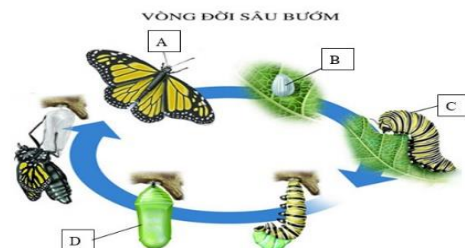
b. Cho biết nguyên nhân, hậu quả và cách phòng tránh hiện tượng này.

Câu 4. Chị A (34 tuổi) có khối u ở cả hai buồng trứng nên phải cắt bỏ cả hai buồng trứng, sau khi cắt bỏ hai buồng trứng chị A có kinh nguyệt không? Tại sao?

Câu 5. Vận dụng những kiến thức đã học về sinh trưởng và phát triển ở thực vật, hãy giải thích tại sao trong sản xuất chè, người dân cắt ngắn bớt thân, cành chè vào tháng 11 đến tháng 1 hằng năm?

Câu 6. Quan sát hình bên và cho biết:

- a. Trình tự các giai đoạn phát triển của loài bướm và kiểu phát triển?
- b. Sự biến đổi qua các giai đoạn đó có ý nghĩa gì đối với đời sống của chúng?



---HẾT---